

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HẠ LONG NĂM 2026

(Cập nhật ngày 06/03/2026)

1. **Vùng tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước và LHS Lào.
2. **Đối tượng:** Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
3. **Ngành, chỉ tiêu, tổ hợp phương thức xét tuyển:**

A. ĐẠI HỌC CHÍNH QUY gồm 05 phương thức (PT):

a) PT1: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (Mã: 100)

- Mô tả: Thí sinh sử dụng kết quả thi tốt nghiệp năm 2026 theo tổ hợp 3 môn để xét tuyển.

- Ngưỡng điểm và điều kiện xét tuyển:

+ Đối với các ngành ngoài sư phạm: Tổng điểm 03 môn kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp môn xét tuyển đạt tối thiểu 15 điểm theo thang điểm 30 đã bao gồm điểm ưu tiên nếu có (không nhân hệ số). Tổ hợp môn xét tuyển có môn ngoại ngữ thì môn ngoại ngữ nhân hệ số 2;

+ Đối với các ngành sư phạm: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) PT2: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (Mã: 200)

- Mô tả: Thí sinh sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ) theo tổ hợp 3 môn để xét tuyển. (điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12).

- Ngưỡng điểm và điều kiện xét tuyển:

+ Đối với các ngành ngoài sư phạm:

Ngưỡng điểm: Tổng điểm 03 môn dựa trên kết quả học tập cấp THPT (học bạ) theo tổ hợp môn xét tuyển đạt tối thiểu 18 điểm theo thang điểm 30 đã cộng điểm ưu tiên.

Điều kiện: Tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30 (*Không áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước*). Riêng tổ hợp môn xét tuyển có môn ngoại ngữ thì môn ngoại ngữ nhân hệ số 2;

+ Đối với các ngành sư phạm: Không áp dụng phương thức này.

c) PT3: Xét kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu (Mã: 405) (áp dụng đối với ngành Sư phạm Âm nhạc, Giáo dục Mầm non)

- Mô tả: Thí sinh sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 môn Ngữ văn kết hợp với điểm thi năng khiếu Âm nhạc 1 (Thẩm âm – Tiết tấu), điểm thi năng khiếu Âm nhạc 2 (Hát) đối với ngành Sư phạm Âm nhạc; môn Toán kết hợp với điểm thi năng khiếu Mầm non 1 (Kể chuyện), điểm thi năng khiếu mầm non 2 (Hát) để xét tuyển. Đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước, nếu có nguyện vọng xét tuyển ngành Sư phạm Âm nhạc, Giáo dục Mầm non thì phải đăng kí thi môn Ngữ văn/Toán tại kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

- Ngưỡng điểm và điều kiện xét tuyển:

+ Đối với ngành Sư phạm Âm nhạc

Ngưỡng điểm: Tổng điểm môn Ngữ văn và các môn năng khiếu đạt từ 19 điểm trở lên (đã cộng điểm ưu tiên).

Điều kiện: Tổng điểm điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT năm 2026 từ 6,50 trở lên (*không áp dụng điều kiện trên đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước*); Xếp loại học lực cả năm lớp 12 đạt từ khá trở lên.

+ Đối với ngành Giáo dục Mầm non:

Ngưỡng điểm: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều kiện: Tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT năm 2026 từ 8,50 trở lên (*không áp dụng điều kiện trên đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước*); Xếp loại học lực cả năm lớp 12 đạt từ giỏi (tốt) trở lên.

d) PT4: Xét kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế (Mã: 409)

- Mô tả: Thí sinh sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hai môn Ngữ văn, Toán với điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ (điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ nhân đôi).

- Ngưỡng điểm và điều kiện xét tuyển:

+ Đối với các ngành ngoài sư phạm:

Ngưỡng điểm: Tổng điểm các môn Ngữ văn, Toán và điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ đạt từ 20 điểm trở lên (đã cộng điểm ưu tiên).

Điều kiện: Tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30 (*không áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước*).

+ Đối với ngành sư phạm (*không bao gồm các ngành Sư phạm Âm nhạc, Giáo dục Mầm non*):

Ngưỡng điểm: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều kiện: Tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT năm 2026 từ 8,50 trở lên (*không áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước*); Xếp loại học lực cả năm lớp 12 đạt từ giỏi (tốt) trở lên.

e) PT5: Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội để xét tuyển (Mã: 402) (áp dụng đối với các ngành đào tạo giáo viên)

- Mô tả: Thí sinh dùng kết quả thi đánh giá năng lực năm 2026 của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (gọi tắt là kỳ thi SPT) theo tổ hợp 03 môn xét tuyển do Trường Đại học Hà Long quy định để xét tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên.

- Ngưỡng điểm và điều kiện điểm xét tuyển:

+ Ngưỡng điểm: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Điều kiện: Tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT năm 2026 từ 8,50 trở lên (*không áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước*); Xếp loại học lực cả năm lớp 12 đạt từ giỏi (tốt) trở lên.

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã THM	Số lượng (dự kiến)
1.	Du lịch (Du lịch và dịch vụ hàng không).	7810101	1. Văn – Toán - Anh 2. Văn - Sử - Anh 3. Văn - Địa - Anh 4. Văn - Sử - Địa 5. Văn - Toán - Địa 6. Văn – Anh - GDKT&PL 7. Toán – Lí - Anh 8. Toán – Hóa - Anh	D01 D14 D15 C00 C04 X78 A01 D07	120
2.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - <i>Quản trị lữ hành;</i> - <i>Du lịch Mice;</i> - <i>Hướng dẫn du lịch.</i>	7810103	1. Toán - Lí - Hóa 2. Toán - Lí - Anh 3. Văn - Toán - Anh 4. Toán - Địa - Anh 5. Văn - Toán - Trung 6. Văn - Sử - Địa 7. Văn - Sử - Anh 8. Văn – Địa - Trung	A00 A01 D01 D10 D04 C00 D14 D45	420
3.	Quản trị khách sạn	7810201	1. Toán - Lí - Hóa 2. Toán - Lí - Anh	A00 A01	180

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã THM	Số lượng (dự kiến)
			3. Văn - Toán - Anh 4. Toán - Địa – Anh 5. Văn - Toán – Địa 6. Toán - Văn – GDKT&PL 7. Văn - Toán – Sử 8. Văn – Lí – Anh	D01 D10 C04 X01 C03 D11	
4.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	1. Văn – Toán - Địa 2. Văn – Toán - Sử 3. Văn – Toán - Anh 4. Văn - Sử - Địa 5. Văn - Địa – GDKT&PL 6. Toán - Văn – GDKT&PL 7. Văn – Anh - GDTK&PL 8. Văn - Địa - Anh	C04 C03 D01 C00 X74 X01 X78 D15	170
5.	Quản trị kinh doanh	7340101	1. Toán – Lí - Hóa 2. Toán – Lí - Anh	A00 A01	240

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã THM	Số lượng (dự kiến)
			3. Toán - Địa - Anh 4. Toán - Địa - GDKT&PL 5. Toán – Văn - GDKT&PL 6. Văn - Toán - Lí 7. Văn - Toán – Địa 8. Văn - Toán - Anh	D10 X21 X01 C01 C04 D01	
6.	Kế toán	7340301	1. Toán – Lí - Hóa 2. Toán – Lí - Anh 3. Toán - Địa - Anh 4. Toán - Địa - GDKT&PL 5. Toán – Văn - GDKT&PL 6. Văn - Toán - Lí 7. Văn - Toán – Địa 8. Văn - Toán - Anh	A00 A01 D10 X21 X01 C01 C04 D01	160
7.	Marketing	7340115	1. Toán – Lí - Hóa 2. Toán – Lí - Anh	A00 A01	100

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã THM	Số lượng (dự kiến)
			3. Toán - Địa - Anh 4. Toán - Địa - GDKT&PL 5. Toán – Văn - GDKT&PL 6. Văn - Toán - Lí 7. Văn - Toán – Địa 8. Văn - Toán - Anh	D10 X21 X01 C01 C04 D01	
8.	Ngôn ngữ Anh	7220201	1. Toán - Lí - Anh 2. Văn - Toán - Anh 3. Văn - Địa – Anh 4. Văn – Anh – GDKT&PL 5. Toán – Địa – Anh 6. Văn – Địa – Trung 7. Toán – Anh – GDKT&PL 8. Văn – Sử - Anh	A01 D01 D15 X78 D10 D45 X25 D14	200
9.	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	1. Toán - Lí - Anh 2. Văn - Toán - Anh	A01 D01	450

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã THM	Số lượng (dự kiến)
			3. Văn - Toán – Trung 4. Văn – Địa – Anh 5. Văn – Địa – Trung 6. Văn – Anh – GDKT&PL 7. Văn – Trung – GDKT&PL 8. Văn – Sử - Anh	D04 D15 D45 X78 X90 D14	
10.	Ngôn ngữ Nhật	7220209	1. Toán - Lí - Anh 2. Văn - Toán - Anh 3. Văn - Toán - Nhật 4. Văn – Địa – Anh 5. Văn – Anh – GDKT&PL 6. Toán – Anh – GDKT&PL 7. Toán – Địa – Anh 8. Văn – Sử - Anh	A01 D01 D06 D15 X78 X25 D10 D14	80
11.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	1. Toán - Địa - Hàn 2. Toán - Lí - Anh	AH1 A01	120

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã THM	Số lượng (dự kiến)
			3. Văn - Toán - Anh 4. Văn - Toán – Hàn 5. Văn – Địa – Anh 6. Văn – Anh – GDKT&PL 7. Văn – Hàn – GDKT&PL 8. Văn – Sử - Anh	D01 DD2 D15 X78 Y03 D14	
12.	Quản lý văn hóa - Văn hóa du lịch; - Tổ chức sự kiện.	7229042	1. Văn - Sử - Địa 2. Văn – Toán - Sử 3. Văn - Toán - Địa 4. Văn - Toán – Anh 5. Văn - Sử - Anh 6. Văn - Địa – Anh 7. Văn – Sử - Trung 8. Văn – Sử - GDKT&PL	C00 C03 C04 D01 D14 D15 D65 X70	120
13.	Công nghệ thông tin	7480201	1. Toán - Lí - Hóa 2. Toán - Lí - Anh 3. Văn - Toán - Anh 4. Toán - Hóa – Anh	A00 A01 D01 D07	250

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã THM	Số lượng (dự kiến)
			5. Văn - Toán – Lí 6. Văn - Toán – Hóa 7. Toán – Văn – Tin 8. Toán – Lí - Tin	C01 C02 X02 X06	
14.	Khoa học máy tính	7480101	1. Toán - Lí - Hóa 2. Toán - Lí - Anh 3. Văn - Toán - Anh 4. Toán - Hóa – Anh 5. Văn - Toán – Lí 6. Văn - Toán – Hóa 7. Toán – Văn – Tin 8. Toán – Lí - Tin	A00 A01 D01 D07 C01 C02 X02 X06	50
15.	Thiết kế đồ họa	7210403	1. Toán - Lí – Hóa 2. Toán – Lí - Anh 3. Văn - Toán - Lí 4. Văn - Toán – Sử 5. Văn - Toán – Địa 6. Văn - Toán - Anh	A00 A01 C01 C03 C04 D01 X01	100

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã THM	Số lượng (dự kiến)
			7. Toán - Văn – GDKT&PL 8. Toán – Văn – Tin	X02	
16.	Giáo dục Mầm non	7140201	1. Văn – Sử - Địa 2. Văn – Toán - Sử 3. Văn – Toán - Địa 4. Toán – Văn - Công nghệ CN 5. Văn - Sử - GDKT&PL 6. Văn - Sử - Công nghệ NN 7. Văn - Địa - GDKT&PL 8. Toán – Năng khiếu Mầm non 1 (Kể chuyện), Năng khiếu Mầm non 2 (Hát)	C00 C03 C04 X04 X70 X73 X74 M09	120
17.	Giáo dục Tiểu học	7140202	1. Văn - Toán - Sinh 2. Văn - Toán - Lí 3. Văn - Toán - Hóa 4. Văn - Toán - Sử	B03 C01 C02 C03	160

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã THM	Số lượng (dự kiến)
			5. Văn - Toán - Địa 6. Văn - Toán - Anh 7. Văn - Toán - Trung 8. Toán – Văn - GDKT&PL	C04 D01 D04 X01	
18.	Sư phạm Ngữ văn	7140217	1. Văn - Sử - Địa 2. Văn – Toán - Địa 3. Văn – Toán – Anh 4. Văn - Sử - Anh 5. Văn - Địa - Anh 6. Văn - Sử - GDKT&PL 7. Văn - Địa - GDKT&PL 8. Văn – Anh – GDKT&PL	C00 C04 D01 D14 D15 X70 X74 X78	40
19.	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	1. Toán – Lí - Hóa 2. Toán – Hóa - Sinh 3. Toán – Lí - Sinh 4. Toán – Lí - Anh 5. Toán – Hóa - Anh	A00 B00 A02 A01 D07	40

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã THM	Số lượng (dự kiến)
			6. Văn - Toán – Lí 7. Văn - Toán – Hóa	C01 C02	
20.	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	1. Văn - Toán - Anh 2. Toán – Địa - Anh 3. Toán – Sử - Anh 4. Văn – Địa – Anh 5. Văn – Sử - Anh	D01 D10 D09 D15 D14	80
21.	Sư phạm Tin học	7140210	1. Toán - Lí - Hóa 2. Toán - Lí - Anh 3. Văn - Toán - Anh 4. Toán - Hóa – Anh 5. Văn - Toán – Lí 6. Văn - Toán – Hóa 7. Toán – Văn – Tin 8. Toán – Lí - Tin	A00 A01 D01 D07 C01 C02 X02 X06	40
22.	Sư phạm Toán học	7140209	1. Toán – Lí - Hóa 2. Toán – Hóa - Sinh 3. Toán – Lí - Anh 4. Toán – Lí - Địa	A00 B00 A01 A04	80

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã THM	Số lượng (dự kiến)
			5. Toán – Hóa - Anh 6. Văn - Toán - Anh 7. Văn - Toán - Lí 8. Văn - Toán - Hóa	D07 D01 C01 C02	
23.	Sư phạm Âm nhạc	7140221	Văn – Hát - Thảm âm Tiết tấu		40
24.	Văn học (<i>Văn báo chí truyền thông</i>).	7229030	1. Văn - Sử - Địa 2. Văn - Toán – Địa 3. Văn - Toán – Anh 4. Văn - Sử - Anh 5. Văn - Địa - Anh 6. Văn - Sử - GDKT&PL 7. Văn - Địa - GDKT&PL 8. Văn – Anh - GDKT&PL	C00 C04 D01 D14 D15 X70 X74 X78	60
25.	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1. Toán - Lí - Hóa 2. Toán - Hóa - Sinh 3. Toán – Sinh - Địa	A00 B00 B02	60

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã THM	Số lượng (dự kiến)
	<i>- Quản lý tài nguyên & môi trường;</i> <i>- Quản lý tài nguyên kinh tế biển.</i>		4. Văn - Toán - Anh 5. Toán – Địa – Anh 6. Toán – Văn – GDKTPL 7. Toán – Địa – GDKTPL 8. Toán – Anh – GDKTPL	D01 D10 X01 X21 X25	
26.	Nuôi trồng thủy sản	7620301	1. Toán – Lí - Hoá 2. Toán – Hoá - Sinh 3. Toán – Sinh - Địa 4. Văn – Toán - Hoá 5. Văn - Toán - Địa 6. Văn - Toán - Anh 7. Toán - Địa - Anh 8. Toán - Văn - GDKT&PL	A00 B00 B02 C02 C04 D01 D10 X01	40

4. Thời gian xét tuyển:

- Đối với **PT1**: Thực hiện theo thời gian quy định của Bộ GD&ĐT.
- Đối với **PT2, PT3, PT4, PT5**:

Đợt XT	Thời gian tiếp nhận hồ sơ	Rà soát, tính điểm xét tuyển	Cập nhật lên hệ thống của Bộ GD&ĐT	Ghi chú
Đợt 1	Từ ngày 01/3/2026 đến 17h00' ngày 30/6/2026	Trước ngày 15/7/2026	Trước ngày 25/7/2026	Xét lọc ảo theo lịch của Bộ GD&ĐT
Đợt bổ sung (1)	Từ ngày 01/7/2026 đến 17h00' ngày 31/7/2026	Trước ngày 15/8/2026	Trước ngày 25/9/2026	Xét tuyển theo lịch của Trường
Đợt bổ sung (2)	Từ ngày 01/8/2026 đến 17h00' ngày 31/8/2026	Trước ngày 15/9/2026	Trước ngày 25/9/2026	Xét tuyển theo lịch của Trường

5. Hồ sơ xét tuyển

a) Xét tuyển bằng kết quả thi THPT năm 2026

+ Xét tuyển đợt 1: Thí sinh làm hồ sơ theo hướng dẫn ở trường THPT;

+ Xét tuyển bổ sung (đợt 2): Nộp hồ sơ trực tuyến [tại đây: http://tuyensinh.uhl.edu.vn/](http://tuyensinh.uhl.edu.vn/)

b) Xét tuyển bằng học bạ THPT

+ Nộp hồ sơ trực tuyến [tại đây: http://tuyensinh.uhl.edu.vn/](http://tuyensinh.uhl.edu.vn/)

+ Hướng dẫn: Thí sinh chụp ảnh các hồ sơ dưới đây để tải lên trang đăng ký trực tuyến ở link trên

(1) file ảnh học bạ trang thông tin cá nhân và ảnh kết quả cả năm lớp 10, 11, 12;

(2) file ảnh bằng tốt nghiệp THPT (chỉ với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026);

(3) file ảnh căn cước công dân.

c) Xét tuyển theo phương thức kết hợp

+ Nộp hồ sơ trực tuyến tại đây: <http://tuyensinh.uhl.edu.vn/>

+ Hướng dẫn: Thí sinh chụp ảnh các hồ sơ sau đây để tải lên trang đăng ký trực tuyến ở link trên

- (1) file ảnh học bạ trang thông tin cá nhân và ảnh kết quả cả năm lớp 10, 11, 12;
- (2) file ảnh (chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: IETLS, HSK, N, TOPIK);
- (3) file ảnh bằng tốt nghiệp THPT (chỉ áp dụng với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026);
- (4) Căn cước công dân (bản phô tô).